

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HS-PT
Ngày 24-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Đức Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Cơ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 42/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thế C. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Trần Thế C, sinh năm 1985 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Số X, đường N, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: Số Y, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trung Q, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1957; có vợ là Hoàng Thị G, sinh năm 1986; có 02 người con (sinh năm 2010 và năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/11/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 (năm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự số 210/HS-ST); ngày 14/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự số 05/HS-ST); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/5/2017 đến ngày 18/5/2017 được trả tự do; bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2017 đến ngày 19/01/2018 được trả tự do; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Quang T, Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang T, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Ngoài ra, còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 08/5/2017, Trần Thế C đang ở nhà thuộc số Y, khu phố T, phường D, thị xã D thì có một người tên K (không rõ nhân thân, lai lịch) là bạn của C điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH Mode gắn biển số 37N1 – 623.X (số khung: RLHJF5129FY018328, số máy: JF51E0241719) đến và dựng xe trong sân nhà của C. Sau đó, K đi vào phòng khách nói chuyện với C được khoảng 15 phút thì K nhờ C giữ dùm xe mô tô nhưng C nghi ngờ xe này do K trộm cắp mà có (vì C biết K là đối tượng trộm cắp xe mô tô, thời gian gửi xe lại vào đêm khuya) nên C từ chối. Tuy nhiên, K năn nỉ và nói rằng do đã khuya, không tìm được bãi gửi xe nên sáng ngày 09/5/2017 K sẽ đến lấy xe sớm nên C đồng ý và dẫn xe mô tô trên vào nhà rồi lên gác ngủ, còn K đi bộ về. Đến khoảng 01 giờ ngày 09/5/2017, C nghe ngoài đường có tiếng chó sủa, tiếng xe máy chạy, ánh đèn pin rọi vào và tiếng người gọi cửa nên C xuống phòng khách nhìn thấy lực lượng Công an đang đứng trước cổng nhà. Lúc này, C tin chiếc xe mô tô biển số 37N1 – 623.X do K gửi là tài sản do trộm cắp mà có nên mới bị Công an phát hiện đến kiểm tra. C liền mở cốp xe mô tô hiệu Honda SH Mode gắn biển số 37N1 – 623.X ra xem thì nhìn thấy bên trong có: 02 biển số xe mô tô 61E1 – 513.A và 67B1 – 294.B; 03 chìa khóa xe máy (loại chìa chưa được mài cạnh); 01 túi ni lông bên trong có 13 giấy chứng nhận đăng ký xe (biển số: 51X3 – 17C, 61E1 – 375.D, 61C1 – 357.E, 92F5 – 47F, 71C2 – 021.G, 59S2 – 086.H, 99E1 – 245.I, 63B1 – 416.K, 37D1 – 671.L, 38P1 – 390.M, 61D1 – 607.N, 67D1 – 360.P, 67G1 – 267.Q), 02 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thành D, Nguyễn Văn B, 02 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn B, 01 giấy chứng minh nhân dân bản photo mang tên Nguyễn Văn L. Sợ bị lực lượng Công an vào kiểm tra nên C mang tất cả các giấy tờ trên đi cất giấu nhiều nơi trong nhà để tránh bị phát hiện. C ném túi ni lông đựng tất cả giấy tờ và 03 chìa khóa chưa mài cạnh lên ghế salon ở phòng khách, đem biển số xe 61E1 – 513.A cất giấu dưới đáy máy giặt đặt ở nhà bếp, đem biển số xe 67B1 – 294.B cất giấu vào trong ba lô màu xanh đen đặt ở đầu giường ngủ trên gác. Sau khi đã cất giấu xong số giấy tờ và biển số xe trên, C đi ra mở cửa cổng cho Công an phường D vào kiểm tra. Quá trình kiểm tra, Công an phường phát hiện số tài sản, giấy tờ do C cất giấu tại các vị trí nói trên nên lập biên bản bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã D.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61E1 – 513.A gắn biển số 37N1 – 623.X: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/5/2017, ông Kiều Đình T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khu phố L, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương, dựng xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61E1 – 513.A, số khung:

RLHJF5129FY018328, số máy: JF51E0241719 trước nhà tại địa chỉ nêu trên thì bị mất trộm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 111/BB.ĐG ngày 25/5/2017 của Hội đồng định giá thị xã D, xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61E1 – 513.A, số khung: RLHJF5129FY018328, số máy: JF51E0241719 trị giá: 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 61E1 – 513.A gắn biển số 37N1 – 623.X là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại thị xã T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã D đã bàn giao vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã T xử lý theo thẩm quyền.

Đối với người tên K hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã D tiếp tục xác minh khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Thế C phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trần Thế C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2017 đến ngày 18/5/2017 và thời gian tạm giam từ ngày 22/10/2017 đến ngày 19/01/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/3/2018, bị cáo Trần Thế C có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo với các lý do: Bị cáo phạm tội do nhận thức đơn giản, chưa gây thiệt hại, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già bị bệnh, vợ của bị cáo mới sinh con, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Minh C1 được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có nhân thân xấu do đó không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về hành vi phạm tội của bị cáo, khi người tên K gửi xe thì bị cáo đã nghi ngờ, sau đó bị cáo thấy biển số xe 37N1 –

623.X là phù hợp với quê quán của người tên K nên bị cáo chưa biết là xe mô tô do trộm cắp mà có, chỉ khi Công an tới kiểm tra thì bị cáo mới khẳng định nghi ngờ ban đầu là đúng, khi đó bị cáo mới cất giấu giấy tờ để không bị phát hiện. Như vậy, diễn biến tâm lý này của bị cáo là phù hợp. Bị cáo không hứa hẹn trước, không hưởng lợi gì từ việc đồng ý cho người tên K gửi xe tại nhà của bị cáo, bị cáo chỉ vô tình phạm tội. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có 02 con nhỏ (trong đó 01 người con sinh năm 2018), bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo từng bị xử phạt tù, sau khi chấp hành án xong bị cáo về với gia đình, chăm lo làm ăn. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo còn nuôi con nhỏ và chỉ vô tình phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 08/5/2017, tại địa chỉ số Y, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Trần Thế C đã có hành vi chứa chấp tài sản là 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode gắn biển số 37N1 – 623.X do một người tên K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) trộm cắp của ông Kiều Đình T mà có. Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã D xác định xe mô tô nêu trên trị giá: 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù biết tài sản mà người tên K gửi là do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý chứa chấp. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo:

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới bị cáo có ông ngoại là ông Nguyễn Minh C1 được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đối với tình tiết “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết này cho bị cáo là chưa phù hợp. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo có

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, tuy nhiên mức hình phạt 01 (một) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy, về nhân thân, ngày 28/11/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 (năm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự số 210/HS-ST) và ngày 14/01/2013, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự số 05/HS-ST). Như vậy, bị cáo có nhân thân xấu, không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là không có cơ sở chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Đối với đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thế C. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2018/HS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã D:

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Trần Thế C 01 (một) năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/5/2017 đến ngày 18/5/2017 và thời gian tạm giam từ ngày 22/10/2017 đến ngày 19/01/2018.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo Trần Thế C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã D; | 2 |
| - VKSND thị xã D; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã D; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã D; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Trại Tạm giam CA tỉnh BD; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn